TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁC ÁI** TỈNH NINH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2018/QĐST-HNGĐ	*BA, ngày 17 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Pinăng Thị D, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn HLH, xã PT, huyện BA, tỉnh Ninh Thuận

Bị đơn: Anh Chamaleá C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn HLH, xã PT, huyện BA, tỉnh Ninh Thuận.

Chỗ ở hiện nay: thôn TL2, xã PĐ, huyện BA, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Pinăng Thị D và anh Chamaléa C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Pinăng Thị D và anh Chamaléa C.

2.2 *Về con chung:* Hai người có với nhau một con chung là cháu Pinăng

Thị Anh, sinh ngày 02/11/2011.

Hai người thống nhất giao cháu Pinăng Thị Anh, sinh ngày 02/11/2011 cho chị Pinăng Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Pinăng Thị D không yêu cầu anh Chamaleá C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung.

2.3 *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị Pinăng Thị D và anh Chamaléa C là người dân tộc thiểu số sống ở ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chị D, anh C làm đơn xin miễn nộp tiền án phí có xác nhận của UBND xã. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho chị D và anh C.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện BA;
- UBND xã PT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Sẩm A Tắc